

THÔNG BÁO
Cam kết chất lượng giáo dục của trường trung học cơ sở
Năm học 2020-2021

STT	Nội dung	Chia theo khối lớp			
		Lớp 6	Lớp 7	Lớp 8	Lớp 9
I	Điều kiện tuyển sinh	Học sinh đã hoàn thành chương trình Tiểu học có hộ khẩu ở 6 thôn trên địa bàn, độ tuổi: sinh năm 2009, có hồ sơ hợp lệ.	HS đủ điều kiện lên lớp theo thông tư 58/2011/TT-BGD&ĐT ngày 12/12/2011	HS đủ điều kiện lên lớp theo thông tư 58/2011/TT-BGD&ĐT ngày 12/12/2011	HS đủ điều kiện lên lớp theo thông tư 58/2011/TT-BGD&ĐT ngày 12/12/2011
II	Chương trình giáo dục mà cơ sở giáo dục thực hiện	1. Thực hiện kế hoạch giáo dục với thời lượng là 35 tuần thực học trong đó: HKI 18 tuần, HKII 17 tuần. 2. Thực hiện chương trình chính khóa quy định hiện hành do Bộ trưởng BGD&ĐT ban hành (theo QĐ số: 16/2006/QĐ-BGD&ĐT ngày 05/5/2006 của Bộ GD&ĐT). Xây dựng kế hoạch giáo dục nhà trường theo định hướng phát triển phẩm chất và năng lực HS từ năm học 2020-2021 theo CV hướng dẫn số 2197/SGD-GDTrH ngày 24/8/2020. 3. Thực hiện dạy tự chọn Khối 6, 7, 8, 9 (Từ 07/9/2020 dạy học tự chọn môn Ngữ văn và Toán, theo chủ đề bám sát khối 9. Môn Tin học cho khối 6,7,8)			
III	Yêu cầu về phối hợp giữa cơ sở giáo dục và gia đình. Yêu cầu về thái độ học tập của học sinh	1. Hợp phụ huynh đầu năm: Kiện toàn Ban đại diện Cha Mẹ học sinh, thông báo kết quả năm học trước, đề ra kế hoạch thực hiện trong năm, bàn biện pháp phối kết hợp giáo dục học sinh. 2. Yêu cầu về thái độ học tập của học sinh : 2.1. Thực hiện đầy đủ nhiệm vụ học sinh qui định tại điều lệ trường THCS 2.2. Có hành vi, ngôn ngữ ứng xử, trang phục theo đúng qui định của nhà trường 2.3. Không vi phạm những điều cấm đối với học sinh theo qui định của Điều lệ trường THCS 2.4. Có thái độ tích cực đấu tranh ngăn chặn những hành vi bị cấm ở trong nhà trường và giúp bạn cùng tiến bộ.			
IV	Các hoạt động hỗ trợ học tập, sinh hoạt của học sinh ở cơ sở giáo dục.	- Có diện tích sân chơi bãi tập, đảm bảo trường học Xanh - Sạch - Đẹp, đảm bảo an toàn, thân thiện. Có đủ SGK, vở viết cho học sinh, Quỹ hội “Chữ thập đỏ” ủng hộ HS nghèo, có hoàn cảnh khó khăn đảm bảo đủ điều kiện học tập. - Học sinh yếu kém được nhà trường tổ chức học phụ đạo để theo kịp chương trình. - Học sinh giỏi được bồi dưỡng để tham gia dự thi học sinh giỏi các cấp. - Được thi đấu chọn đội tuyển vòng trường các môn: Điền kinh, Bóng bàn, Cầu lông, Bóng đá thiếu niên và tham gia dự thi các cấp. - Các hoạt động giáo dục hỗ trợ học tập, sinh hoạt: Sinh hoạt Đội, hoạt động tập thể; Hoạt động ngoài giờ lên lớp, hoạt động giáo dục Hướng nghiệp (đối với lớp 9 thời lượng 9 tiết/ năm học); GD kỹ năng sống, hoạt động trải nghiệm STEM,			
		- Hạnh kiểm: 96,5% Tốt , 3,5 %Khá ; 0 % trung bình.			

V	Kết quả năng lực, phẩm chất, học tập và sức khỏe của học sinh dự kiến đạt được	- Học lực : + Loại Giỏi: 30,5%; + Loại Khá: 42,5%; + Loại Tb: 25,5 % + Loại Yếu: 1,5% - Tỷ lệ chuyển lớp thăng: 99,96% trở lên; Tỷ lệ lên lớp sau kiểm tra lại 100% , đủ điều kiện xét Tốt nghiệp THCS: 100%. Tỷ lệ trúng tuyển vào lớp 10, hệ công lập, trường THPT Hoàng Hoa Thám: Từ 65% trở lên. - Sức khỏe học sinh : + Học sinh được khám sức khỏe 1 lần/năm (Trạm y tế xã Hoàng Quế - Thị xã Đông Triều thăm khám) được vận động tiêm phòng đầy đủ các loại vacxin trong năm theo yêu cầu Trung tâm YT dự phòng thị xã. + Học sinh được đánh giá sức khỏe cuối năm theo QĐ số 53/2008/QĐ-BGDĐT ngày 18/9/2008 về việc Qui định đánh giá xếp loại thể lực HS-SV, dự kiến: Loại Tốt: 97,1 %, 2,9% đạt loại khá.			
VI	Khả năng học tập tiếp tục của học sinh.	100%	100%	100%	- Đủ điều kiện xét tốt nghiệp THCS: 100% Được Trường phòng GD&ĐT cấp bằng tốt nghiệp THCS. Được học tiếp lớp 10 THPT hoặc bổ túc THPT, học nghề.

Đông Triều, ngày 14 tháng 09 năm 2020

Thủ trưởng đơn vị

(Đã ký)

Đinh Thị Ngọc Dung

PHÒNG GD&ĐT ĐÔNG TRIỀU
TRƯỜNG THCS HOÀNG QUẾ

THÔNG BÁO

Công khai thông tin chất lượng giáo dục thực tế của trường trung học cơ sở và trường trung học phổ thông, năm học 2019-2020

STT	Nội dung	Tổng số	Chia ra theo khối lớp			
			Lớp 6	Lớp 7	Lớp 8	Lớp 9
I	Số học sinh chia theo hạnh kiểm	461	132	103	118	108
1	Tốt (tỷ lệ so với tổng số)	443=96,1%	127=96,2%	100=97,1%	111=94,1%	105=97,2%
2	Khá (tỷ lệ so với tổng số)	17=3,69%	5=3,78%	03=2,9%	07=5,9%	2=1,85%
3	Trung bình (tỷ lệ so với tổng số)	1=0,22%			0	1=0,95%
4	Yếu (tỷ lệ so với tổng số)	0	0	0	0	0
II	Số học sinh chia theo học lực	461	132	103	118	108
1	Giỏi (tỷ lệ so với tổng số)	115=25%	31=23,5%	28=27,2%	34=28,8%	22=20,4%
2	Khá (tỷ lệ so với tổng số)	216=46,9%	63=47,7%	48=46,6%	49=41,5%	56=51,9%
3	Trung bình (tỷ lệ so với tổng số)	128=27,8%	38=28,8%	25=24,3%	35=29,7%	30=27,7%
4	Yếu (tỷ lệ so với tổng số)	02=0,43%		02=1,94%		0
5	Kém (tỷ lệ so với tổng số)	0	0	0	0	0
III	Tổng hợp kết quả cuối năm	461	132	103	118	108
1	Lên lớp (tỷ lệ so với tổng số)					
a	Học sinh giỏi (tỷ lệ so với tổng số)	115=25%	31=23,5%	28=27,2%	34=28,8%	22=20,4%
b	Học sinh tiên tiến (tỷ lệ so với tổng số)	216=46,9%	63=47,7%	48=46,6%	49=41,5%	56=51,9%
2	Thi lại (tỷ lệ so với tổng số)	02=0,43%		02=1,94%		0
3	Lưu ban (tỷ lệ so với tổng số)	0	0	0	0	0
4	Chuyển trường đến/đi (tỷ lệ so với tổng số)	2/5	1/2	1/1	0/1	0/1
5	Bị đuổi học (tỷ lệ so với tổng số)	0	0	0	0	0
6	Bỏ học (qua kỳ nghỉ hè năm trước và trong năm học) (tỷ lệ so với tổng số)	0	0	0	0	0
IV	Số học sinh đạt giải các kỳ thi học sinh giỏi					
1	Cấp huyện	11	0	0	4	9
2	Cấp tỉnh/thành phố	0	0	0	0	0

3	Quốc gia, khu vực một số nước, quốc tế	0	0	0	0	0
V	Số học sinh dự xét hoặc dự thi tốt nghiệp	108	0	0	0	108
VI	Số học sinh được công nhận tốt nghiệp	108	0	0	0	108
1	Giỏi (tỷ lệ so với tổng số)	22=20,4%	0	0	0	22=20,4%
2	Khá (tỷ lệ so với tổng số)	56=51,9%	0	0	0	56=51,9%
3	Trung bình (Tỷ lệ so với tổng số)	30=27,7%	0	0	0	30=27,7%
VII	Số học sinh thi đỗ đại học, cao đẳng (tỷ lệ so với tổng số)	0	0	0	0	0
VIII	Số học sinh nam/số học sinh nữ	250/211	65/67	57/46	66/52	62/46
IX	Số học sinh dân tộc thiểu số	06	02	02	01	01

Đông Triều, ngày 14 tháng 9 năm 2020
Thủ trưởng đơn vị
(Đã ký)

Đinh Thị Ngọc Dung

PHÒNG GD&ĐT ĐÔNG TRIỀU
TRƯỜNG THCS HOÀNG QUẾ

THÔNG BÁO

Công khai thông tin cơ sở vật chất của trường trung học cơ sở và trường trung học phổ thông, năm học 2020-2021

STT	Nội dung	Số lượng	Bình quân
I	Số phòng học	14	Số m ² /học sinh
II	Loại phòng học	14	-
1	Phòng học kiên cố	10	-
2	Phòng học bán kiên cố	0	-
3	Phòng học tạm	0	-
4	Phòng học nhờ	0	-
5	Số phòng học bộ môn	3	-
6	Số phòng học đa chức năng (có phương tiện nghe nhìn)	1	-
7	Bình quân lớp/phòng học	1/ 1 phòng	-
8	Bình quân học sinh/lớp	39,8 HS/ 1 lớp	-
III	Số điểm trường	1	-
IV	Tổng số diện tích đất (m ²)	3237.3	7
V	Tổng diện tích sân chơi, bãi tập (m ²)	2000	4,3
VI	Tổng diện tích các phòng		
1	Diện tích phòng học (m ²)	540	1,16
2	Diện tích phòng học bộ môn (m ²)	180	0,4
3	Diện tích thư viện (m ²)	45	
4	Diện tích nhà tập đa năng (Phòng giáo dục rèn luyện thể chất) (m ²)		
5	Diện tích phòng hoạt động Đoàn Đội, phòng truyền thống (m ²)	60	
VII	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu (Đơn vị tính: bộ)	1/1	Số bộ/lớp
1	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu hiện có theo quy định		

1.1	Khối lớp 6	4	1
1.2	Khối lớp 7	4	1
1.3	Khối lớp 8	4	1
1.4	Khối lớp 9	4	1
2	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu còn thiếu so với quy định		
2.1	Khối lớp 6	2	
2.2	Khối lớp 7	2	
2.3	Khối lớp 8	2	
2.4	Khối lớp 9	2	
3	Khu vườn sinh vật, vườn địa lý (diện tích/thiết bị)	0	
4	...		
VIII	Tổng số máy vi tính đang sử dụng phục vụ học tập (Đơn vị tính: bộ)	19	Số học sinh/bộ
IX	Tổng số thiết bị dùng chung khác		Số thiết bị/lớp
1	Ti vi	3	
2	Cát xét	2	
3	Đầu Video/đầu đĩa	2	
4	Máy chiếu OverHead/projector/vật thể	12	
5	Thiết bị khác...		
6			

X	Tổng số thiết bị đang sử dụng		Số thiết bị/lớp
1	Ti vi	3	
2	Cát xét	2	
3	Đầu Video/đầu đĩa	2	
4	Máy chiếu OverHead/projector/vật thể	12	
5	Thiết bị khác...		
..			

	Nội dung	Số lượng (m ²)
--	----------	----------------------------

X	Nhà bếp	
XI	Nhà ăn	

	Nội dung	Số lượng phòng, tổng diện tích (m ²)	Số chỗ	Diện tích bình quân/chỗ
XII	Phòng nghỉ cho học sinh bán trú			
XIII	Khu nội trú			

XIV	Nhà vệ sinh	Dùng cho giáo viên	Dùng cho học sinh		Số m ² /học sinh	
			Chung	Nam/Nữ	Chung	Nam/Nữ
1	Đạt chuẩn vệ sinh*	02		02		20m ² / 20m ²
2	Chưa đạt chuẩn vệ sinh*	Đạt		Đạt		

(*Theo Thông tư số 12/2011/TT-BGDĐT ngày 28/2/2011 của Bộ GDĐT ban hành Điều lệ trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trung học phổ thông có nhiều cấp học và Thông tư số 27/2011/TT-BYT ngày 24/6/2011 của Bộ Y tế ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nhà tiêu - điều kiện bảo đảm hợp vệ sinh).

	Nội dung	Có	Không
XV	Nguồn nước sinh hoạt hợp vệ sinh	x	
XVI	Nguồn điện (lưới, phát điện riêng)	x	
XVII	Kết nối internet	x	
XVIII	Trang thông tin điện tử (website) của trường	x	
XIX	Tường rào xây	x	

Đông Triều, ngày 14 tháng 9 năm 2020
Thủ trưởng đơn vị
 (Đã ký)

Đinh Thị Ngọc Dung

PHÒNG GD&ĐT ĐÔNG TRIỀU
TRƯỜNG THCS HOÀNG QUẾ

THÔNG BÁO

Công khai thông tin về đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý và nhân viên của trường trung học cơ sở và trường trung học phổ thông, năm học 2020-2021

STT	Nội dung	Tổng số	Trình độ đào tạo						Hạng chức danh nghề nghiệp			Chuẩn nghề nghiệp			
			TS	ThS	ĐH	CĐ	TC	Dưới TC	Hạng III	Hạng II	Hạng I	Xuất sắc	Khá	Trung bình	Kém
	Tổng số giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên	26	0	2	20	3	1	0	6	17		17	6		
I	Giáo viên	21	0	2	17	2	0	0	6	15		15	6		
	Trong đó số giáo viên dạy môn:														
1	Toán	4		2	2				3	1		2	2		
2	Lý	1			1					1		1			
3	Hóa	1			1					1		1			
4	Sinh	3			2	1			1	2		2	1		
5	Địa	1			1					1		1			
6	Văn	5			5				1	4		4	1		
7	Sử	1								1		1			
8	Ngoại Ngữ	1			1					1		1			
9	GDCD	1			1					1		1			
10	Tin	1			1					1		1			
11	Âm Nhạc	1			1					1			1		
12	Mĩ Thuật	0													
13	Thể dục	1			1					1		1			
II	Cán bộ quản lý	2													
1	Hiệu trưởng	1			1					1		1			
2	Phó hiệu trưởng	1			1					1		1			
III	Nhân viên	3				1	1								
1	Nhân viên văn thư	1					1								
2	Nhân viên kế toán				1										

3	Thủ quỹ														
4	Nhân viên y tế														
5	Nhân viên thư viện					1									
6	Nhân viên thiết bị, thí nghiệm														
7	Nhân viên hỗ trợ giáo dục người Khuyết tật														
8	Nhân viên công nghệ thông tin														
9	...														

Đông Triều, ngày 14 tháng 9 năm 2020
Thủ trưởng đơn vị
(Đã ký)

Đinh Thị Ngọc Dung